TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
Về việc *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Đặng Hữu Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yêm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

***** *N đơn*: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1988; Địa chỉ: VL, thôn DP, xã XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

***** *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1994; Địa chỉ: VC, thôn DP 1, xã XP, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/5/2021, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên toà, N đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn K đi đến hôn nhân sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Phương vào ngày 24/3/2017, thị xã Sông Cầu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân chủ yếu là do anh K cờ bạc dẫn đến nợ nần, sau đó anh K bỏ chị H và các con đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng anh K về thăm các con rồi đi ngay. Chị H và anh K không còn chung sống với nhau đến nay đã hơn 02 năm. Nay chị H không còn tình cảm với anh K, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Gia N, sinh năm 2018 và Nguyễn Gia T, sinh năm 2019. Ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định chị anh K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Toà triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngày 29/8/2021 và ngày 17/9/2021, Tòa án nhân thị xã Sông Cầu lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về H giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Gia N, sinh năm 2018 và Nguyễn Gia T, sinh năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của N đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Thu H có yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 1 Điều 33 BLTTDS, anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn Dân Phú 1, xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu, Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn K thường xuyên không có mặt ở nhà cũng như ở địa phương, chỉ biết anh K làm việc ở Khánh Hòa nhưng không biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh K có về thăm gia đình và con được chính quyền địa phương xác nhận cũng như cha mẹ anh K và cha mẹ chị H thừa nhận nên thuộc trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ, Tòa đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn K sống chung với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chung, chị H và anh K xảy ra mâu

thuẫn, anh K bỏ nhà đi cho đến nay đã hơn 02 năm, thỉnh thoảng anh K có về thăm con và cha mẹ anh, việc này được cha mẹ anh K là ông Hưng và bà Hưng thừa nhận. Sau khi sinh con thứ hai là cháu T, anh K cờ bạc dẫn đến nợ nần, sau đó bỏ chị H và các con đi, thỉnh thoảng anh K có về thăm con rồi đi ngay, vấn đề này được cha mẹ chị H là ông Nghị và bà Phương cung cấp. Chị H và anh K không còn sống chung với nhau đến nay đã hơn 02 năm, hiện nay anh K không thường xuyên có mặt ở gia đình, đều đó cho thấy tình cảm giữa chị H và anh K thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Gia N, sinh năm 2018 và Nguyễn Gia T, sinh năm 2019. Xét thấy, hiện tại anh K bỏ chị H và các con hơn 02 năm, không chăm sóc nuôi dưỡng và không thường xuyên sinh sống tại gia đình và địa phương; từ khi chị H và anh K không còn chung sống với nhau thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu N và T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu N và T nên cần thiết giao các cháu Nguyễn Gia N và Nguyễn Gia T cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định chị và anh K không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 51, 56, 58, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Giao chị Phạm Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Gia N, sinh năm 2018 (giới tính Nam) và Nguyễn Gia T, sinh năm 2019 (giới tính nữ). Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con (N và T) mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 005294 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu. Chị H đã nộp đủ.

[5] Quyền kháng cáo: N đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên ;
- VKSND TX. Sông Cầu;
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Phương;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Minh Hoàng